

Xy lanh tròn DPRA-N-...-1 1/2"- -

Số bộ phận: 8109552



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Hành trình	0.0625 in...12 in
Ø pít tông	1 1/2"
Ren thanh pít tông	7/16-20 UNF-2A
Đệm	không có đệm Các vòng / tấm đệm đàn hồi ở cả hai đầu Đệm khí nén ở cả hai bên điều chỉnh được
Vị trí lắp đặt	bất kì
Cấu trúc xây dựng	Pít tông Cần piston Thân vỏ xy lanh
Phát hiện vị trí	cho các công tắc gần
Các biến thể	Nắp cuối với mắt xoay và măng xông ổ trục Nắp khóa có chốt xoay, xoay 90 ° Nắp cuối với chốt xoay Dụng cụ nạo làm bằng NBR Ren ngoài thanh pít-tông kéo dài Thanh pít tông kéo dài Nắp ổ trục để lắp trực tiếp Nắp ổ trục có ren gắn Đầu xi lanh có chốt xoay Kết nối khí nén hướng trục Cổng khí nén ngang Với bảo vệ chống xoắn Bảo vệ chống ăn mòn cao Ty pít tông liền mạch Ty pít tông rỗng liền mạch Phạm vi nhiệt độ 0 đến + 150 °C Phạm vi nhiệt độ -40 đến + 80 °C thanh pít-tông một mặt
Bảo vệ chống xoay/dẫn hướng	Thanh pít tông lục giác
Áp suất vận hành	9.99 psi...150 psi
Nguyên tắc vận hành	tác động kép nhấn tác động đơn lẻ kéo
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)

Đặc tính	Giá trị
Lớp chống ăn mòn KBK	1 - ứng suất ăn mòn thấp 3 - ứng suất ăn mòn mạnh 4 - ứng suất ăn mòn đặc biệt mạnh
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-40 °F...300 °F
trọng lượng sản phẩm	0.44 Lb...2.73 Lb
Kiểu gắn	với đai ốc khóa với phụ kiện
Cổng nối khí nén	1/8 NPT
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu phủ	Hợp kim nhôm rèn POM thép không gỉ hợp kim cao
Vật liệu của phốt	FPM NBR
Vật liệu thanh piston	thép không gỉ hợp kim cao
Vật liệu vỏ xy lanh	thép hợp kim không gỉ